

Số: /BCTĐ-STP

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Nội vụ

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1871/SNV- KHTC ngày 08/4/2026 của Sở Nội vụ về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **1. Về thẩm quyền ban hành văn bản**

Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC), quy định:

*“1. Chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả.*

*Mức chi phí quản lý bằng 1,7% tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ), được bố trí trong dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.”*

Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC), quy định:

Sửa đổi điểm e như sau: “e) Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả): **Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương**”.

Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất của điểm g như sau: “**Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương**”.

Từ các quy định nêu trên, Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

## **2. Về tên gọi của dự thảo văn bản**

Dự thảo văn bản có tên gọi là: “*Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”.

Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy tên Nghị quyết còn dài, liệt kê nhiều nội dung mang tính chi tiết, chưa bảo đảm tính khái quát; đồng thời còn lặp từ “quản lý”, chưa phù hợp với kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng: “*Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*”.

## **3. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Dự thảo văn bản đã xác định rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của văn bản.

## **4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật**

Về tỷ lệ chi phí quản lý, mức chi trả thù lao, mức chi phí chi trả được xây dựng trên cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung này. Tuy nhiên, để dự thảo văn bản hoàn chỉnh hơn, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

- Tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định “chi tại cấp tỉnh”, “chi tại cấp xã, phường” để xác định tỷ lệ 15% và 85% tổng chi phí quản lý

được giao. Tuy nhiên, việc sử dụng cụm từ “chi” là chưa phù hợp, dễ gây hiểu nhầm là hoạt động chi ngân sách, trong khi nội dung quy định là tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý theo cấp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ từ “chi”, tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo để bảo đảm rõ ràng, thống nhất.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 2 về mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả (nếu có), dự thảo quy định: “*Đối với các xã, phường có dưới 10 đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng: Mức chi trả thù lao được tính theo mức chi bình quân mỗi đối tượng bằng 10% mức lương cơ sở/01 tháng*”. Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp thấy rằng, theo quy định tại Thông tư 95/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính, mức chi phí chi trả thù lao cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo **tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng**, do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương. Tuy nhiên, dự thảo lại quy định mức chi trả thù lao theo **mức bình quân trên đầu đối tượng gắn với mức lương cơ sở**, không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp. Cách quy định này là **chưa phù hợp với nguyên tắc xác định mức chi theo quy định của Thông tư**. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại.

- Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định: “*Tỷ lệ chi phí quản lý và mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được áp dụng từ ngày 01/01/2026*”.

Tại thời điểm thẩm định (tháng 4 năm 2026), Nghị quyết chưa được ban hành. Do đó, trường hợp Nghị quyết được thông qua và có hiệu lực sau ngày 01/01/2026 thì quy định áp dụng từ ngày 01/01/2026 nêu trên là có yếu tố hồi tố.

Theo quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, việc quy định hiệu lực trở về trước chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết nhằm bảo đảm lợi ích chung của xã hội hoặc để thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo, tại Tờ trình chưa có nội dung giải trình, làm rõ sự cần thiết phải quy định hiệu lực trở về trước, cũng như chưa đánh giá tác động của việc áp dụng hồi tố.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: Rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn của việc quy định hiệu lực từ ngày 01/01/2026; Trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì đề nghị chỉnh sửa theo hướng quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

- Tại ý thứ hai Điều 5 dự thảo quy định: "*Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*" Tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết, không có quy định nào dẫn chiếu cụ thể đến văn bản quy phạm pháp luật khác. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung này.

## **5. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản và trình tự soạn thảo văn bản**

### ***a) Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản***

Tại phần căn cứ ban hành: Tại căn cứ thứ ba, dự thảo có lập từ "**Luật**"; tại căn cứ thứ 06, dự thảo có lập từ "**Bộ trưởng**", là chưa bảo đảm về kỹ thuật trình bày văn bản. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, lược bỏ các từ ngữ trùng lặp để bảo đảm tính chính xác.

### ***b) Về trình tự soạn thảo văn bản***

Qua nghiên cứu hồ sơ, Sở Tư pháp thấy rằng cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đã thực hiện trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.

## **6. Ý kiến của cơ quan thẩm định**

Dự thảo đủ điều kiện trình HĐND tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến nêu trên của Sở Tư pháp.

Kính chuyển Sở Nội vụ nghiên cứu, tổng hợp./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, XDKTVB.

**GIÁM ĐỐC**

**Mai Xuân Bình**